TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1161/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 641/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Lan A, sinh năm: 1983 (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Trịnh Đình Th, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 28/3C đường Lê Thị Ngh (đường số 121 cũ), tổ 5, ấp 5, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 05/4/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Lê Thị Lan A trình bày:*

Bà và ông Trịnh Đình Th tìm hiểu nhau năm 2006, đến năm 2007 xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Th, tỉnh Ph vào ngày 11/10/2007.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà thuê nhà ở quận G, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, sống được khoảng 06, 07 năm sau đó chuyển về huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống tại nhà riêng. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng bà là người sống vì gia đình nên đã cố gắng vun vén làm tròn trách nhiệm của một người vợ, người mẹ, đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng hơn, nguyên nhân do ông Th thường hay nhậu nhẹt, một tuần nhậu khoảng từ 03 đến 04 lần, mỗi lần say xỉn ông Th lại chửi mắng, xô xát với vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà, có những lời lẽ không đúng mực với cha mẹ vợ. Về kinh tế gia đình ông Th cũng không phụ nhiều, từ năm 2020 cho đến nay thỉnh thoảng ông Th mới đưa tiền cho bà, con cái ông Th cũng ít quan tâm, từ

lúc con đi học đến nay ông Th không biết thầy cô giáo của con là ai, bà đã chịu đựng cuộc sống nặng nề, mệt mỏi nhiều năm nay, vợ chồng bà đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Th được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Bà và ông Th có 01 con chung tên Trịnh Lê H, sinh ngày 12/6/2009, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà và ông Th không tranh chấp, nợ chung không có.

** Bị đơn là ông Trịnh Đình Th vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 05/4/2022, bà Lê Thị Lan A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Trịnh Đình Th, con chung có 01 cháu bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung bà không tranh chấp, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Th cư trú tại số 28/3C đường Lê Thị Ngh (đường số 121 cũ), tổ 5, ấp 5, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo bản xác nhận thông tin cư trú của Ban chỉ huy Công an xã T, huyện C do bà A nộp) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Trịnh Đình Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông Th trực tiếp nhận các văn bản tố tụng) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông Th theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Lan A và ông Trịnh Đình Th tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Th, tỉnh Ph cấp ngày 11/10/2007, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà A thì bà và ông Th tự nguyện xây dựng gia đình, sau khi xây dựng gia đình hai bên chung sống một thời gian tại quận G, sau đó chuyển về huyện C sinh sống tại nhà riêng, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra nhưng vì gia đình bà đã cố gắng vun vén, năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do ông Th hay nhậu nhẹt, xúc phạm vợ con và gia đình vợ, ông Th cũng không phụ giúp kinh tế trong nhà, không quan tâm đến con cái, bà nhận thấy giữa bà và ông Th không thể nào tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông Th không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy ông Th không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà A, do đó

Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà A cung cấp, xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông Th là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà A và ông Th có 01 con chung tên Trịnh Lê H, sinh ngày 12/6/2009, khi ly hôn bà đề nghị được nuôi cháu H, bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu H hiện đang sống cùng mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà A, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà A có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà A xác định bà và ông Th không tranh chấp.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà A xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Lê Thị Lan A về việc cho ly hôn giữa bà Lê Thị Lan A và ông Trịnh Đình Th.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Th, tỉnh Ph cấp ngày 11/10/2007 cho bà A và ông Th không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà A và ông Th có 01 con chung tên Trịnh Lê H, sinh ngày 12/6/2009.

Giao cháu H cho bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc tạm thời không yêu cầu ông Th cấp dưỡng

nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà A xác định bà và ông Th tự thỏa thuận, không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà A xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0044414 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Th, tỉnh Ph;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA